

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ BỒNG
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HS - ST
Ngày 24 - 11 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ BỒNG, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Diễn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Hồng Danh

Bà Ngô Thị Bích Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Minh Thuận là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại D Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2020/TLST - HS ngày 08 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST - HS ngày 26 tháng 10 năm 2020; quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/HSST ngày 11 tháng 11 năm 2020, đối với bị cáo:

Nguyễn Thành T; Nơi cư trú: Tổ 7, thôn S. T, xã T. S, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn N (chết) và bà Vũ Thị H, sinh năm 1947; Vợ: bà Quách Thị L, sinh năm 1983 (đã ly hôn ngày 09/7/2020); con là Nguyễn T H, sinh năm 2011; Tiền án: Vào ngày 28 tháng 02 năm 2018 bị Tòa án nhân dân huyện Trà Bồng xử phạt 18 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; tiền sự: Vào ngày 21 tháng 08 năm 2019 bị Công an huyện Trà Bồng xử phạt hành chính về vi phạm “sử dụng trái phép chất ma túy” theo quyết định số 209/QĐ - XPHC; bị bắt, tạm giữ, tạm giam ngày 05/3/2020 đến nay “có mặt”;

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1993; Địa chỉ: KDC 26, TDP3, TT.TX, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi “vắng mặt”;

- Những người làm chứng:

+ Bà Lý Thị D, sinh năm 1968; Địa chỉ: KDC 26, TDP 3, TT.TX, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Ông Vũ Văn K, sinh năm 1975; Địa chỉ: Tổ 7, thôn ST, xã TS, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Ông Hồ Quang L, sinh năm 1991; Địa chỉ: Tổ 5, thôn ST, xã TS, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Bà Đào Thị H, sinh năm 1981; Địa chỉ: KDC26, TDP3, TT.TX, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Bà Đinh Thị M, sinh năm 1960; Địa chỉ: Tổ 7, thôn ST, xã TS, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Ông Nguyễn B D, sinh năm 1985; Địa chỉ: KDC26, TDP3, TT.TX, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi.

“Đều vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 40 phút, ngày 05/3/2020 Nguyễn Thành T cầm cái nồi la ó ngoài đường, sau đó T để cái nồi ngoài đường rồi đi bộ một mình vào nhà bà Lý Thị D. T thấy một cái điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu vàng - hồng của chị Th để trên mặt bàn kính. Lợi dụng sơ hở không có người quản lý tài sản nên T lấy điện thoại nói trên cầm trên tay rồi đi ra bên ngoài nhà bà D, khi ra đến đường nhựa thì T bỏ điện thoại đã lấy vào túi quần của T rồi đi đến nhà anh Vũ Văn Kiên để gây gổ thì anh Kiên định đánh T nên T bỏ đi và quay lại trước nhà bà D lấy cái nồi đã để trước đó rồi cầm cái nồi đi trên đường. Khi anh Kiên và anh Lượng điều khiển xe mô tô chạy theo T, sau đó anh Kiên giật lấy được cái nồi mà T cầm thì T bỏ chạy. Khi chạy đến nhà chị Đào Thị Hạnh thì T lấy điện thoại của chị Th từ trong túi quần của T để lại trên lề đường rồi chạy trốn trong vườn keo.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 02/BKL - HĐĐGTS ngày 09/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Trà Bồng kết luận: Điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, số loại F1S, màu vàng – hồng có giá trị 2.784.000đ (hai triệu, bảy trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

Bản cáo trạng số: 02/CT-VKS ngày 11 tháng 5 năm 2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Bồng tỉnh Quảng Ngãi đã truy tố Nguyễn Thành T về tội “trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, tuyên phạt bị cáo Nguyễn thành T từ 18 đến 24 tháng tù;

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường nên không xét.

Về tang vật vụ án: Trong quá trình điều tra cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Trà Bồng đã trả lại cho chủ sở hữu nên không xét.

Bị cáo không lời tranh luận, không nói lời sau cùng;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Ngày 11/5/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Bồng tỉnh Quảng Ngãi ban hành cáo trạng số 02/CT-VKS ngày 11 tháng 5 năm 2020 truy tố Nguyễn Thành T về tội “trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, ngày 12/5/2020 khi Kiểm sát viên giao Cáo trạng cho bị cáo, bị cáo không nhận. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 08/9/2020, bị cáo khai rằng bị cơ quan điều tra ép cung, đánh đập nên bị cáo có lời khai không thống nhất trong quá trình điều tra, việc bị cáo không nhận bản Cáo trạng là vì cáo trạng truy tố hành vi của bị cáo không đúng. Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố, bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; mặc khác tại phiên tòa bị cáo không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc bị ép cung. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về chứng cứ phạm tội:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay cho rằng không vào nhà bà D, không thấy bà D ở đâu, không lấy điện thoại của chị Th là thay đổi so với lời khai của bị cáo tại hai biên bản ghi lời khai ngày 05/3/2020 và ngày 06/3/2020 cũng như các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo đã khai nhận khi vào nhà thấy hai bà cháu bà D ngồi xem ti vi, sau đó bị cáo lấy điện thoại.

Tại phiên tòa, bị cáo không thừa nhận việc lấy trộm điện thoại của người khác khi không được sự đồng ý từ chủ sở hữu, Bản tự khai (bị cáo tự viết) ban đầu của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, đúng thực tế diễn biến sự việc xảy ra, hơn nữa biên bản hỏi cung ngày 29/4/2020 bị cáo cho rằng việc lấy điện thoại là để giữ giúp cho anh Nguyễn B D (Nhím), nhờ anh Kiên và anh Lượng trả máy điện thoại lại cho anh B D, đồng thời điện thoại Oppo, số loại F1S, màu vàng – hồng cũng không phải là tài sản của anh B D, ngược lại lời khai của anh Kiên, anh Lượng tại hồ sơ vụ án không đồng ý với lời khai của bị cáo. Như vậy, việc bị cáo thay đổi lời khai nhìn thấy hai bà cháu bà D, không vào bà D, không lấy điện thoại là từ chối việc khai báo và không có cơ sở. Việc từ chối khai báo của bị cáo nêu trên không làm thay đổi bản chất hành vi phạm tội của bị cáo và có căn cứ xác định hành vi của bị cáo là lén lút dịch chuyển bất hợp pháp tài sản của chị Nguyễn Thị Th rời khỏi sự quản lý của chủ sở hữu là có cơ sở.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 02/BKL - HĐĐGTS ngày 09/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Trà Bồng kết luận: Điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, số loại F1S, màu vàng – hồng (đã qua thời hạn sử dụng) có giá trị 2.784.000 đồng. Tại Quyết định số 224/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng về việc thành lập Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự, thành viên Hội đồng định giá tài sản có ông Võ Tấn Trinh – Cán bộ điều tra Công an huyện Trà Bồng là vi phạm thành phần Hội đồng định giá theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 30/2018/NĐ - CP ngày 07/3/2018 của Chính Phủ. Tuy nhiên, quá trình điều tra bị cáo không khiếu nại về giá trị tài sản.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Thành T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Bồng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật;

[3] Về tính chất, mức độ phạm tội:

Bị cáo Nguyễn Thành T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác với lỗi cố ý trực tiếp. Tuy nhiên, hành vi trộm cắp của bị cáo không có dự mưu từ trước mà chỉ mang tính chất cơ hội, độc lập, tài sản trộm cắp đã qua thời gian sử dụng, trị giá tài sản không lớn.

Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác mà còn ảnh hưởng xấu đến trật tự địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn là phù hợp để bị cáo giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Ngày 21 tháng 08 năm 2019 bị Công an huyện Trà Bồng xử phạt hành chính về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy”

Tình tiết tăng nặng: Ngày 28/02/2018 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Trà Bồng xử phạt 18 tháng tù về tội “cố ý gây thương tích” đến ngày 05/3/2020 chưa được xóa án tích nhưng bị cáo lại tiếp tục phạm tội “trộm cắp tài sản”. Do đó cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 52 BLHS.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo sống ở huyện miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên nhận thức về pháp luật có phần hạn chế; tài sản trộm cắp đã qua thời gian sử dụng; trị giá tài sản không lớn, theo đó cần xem đây là các tình tiết giảm nhẹ khác được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Do vậy Hội đồng xét xử nhận định cần áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 2 Điều 51; điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, để xem xét cho bị cáo với mức hình phạt thấp của khung hình phạt cũng vẫn đạt mục đích giáo dục, cải tạo người phạm tội và phòng ngừa chung cho xã hội;

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo hiện không có nghề nghiệp, là đối tượng đã sử dụng trái phép chất ma túy nên không áp dụng đối với bị cáo.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên, được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần về mức hình phạt.

[7] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm, nên không đặt ra giải quyết.

[8] Về tang vật vụ án: Trong quá trình điều tra vụ án, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu, nên không xét.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo T phải chịu 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 2 Điều 51; điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thành T 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam 05/3/2020.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Thành T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng chẵn).

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại UBND xã nơi cư trú, quyền được yêu cầu công bố hay không công bố bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q.Ngãi;
- VKSND tỉnh Q. Ngãi;
- Sở tư pháp;
- VKSND huyện Trà Bồng;
- CQĐT CA huyện Trà Bồng;
- Chi cục THADS huyện Trà Bồng;
- CQ THAHS CA huyện Trà Bồng;
- Nhà tạm giữ CA huyện Trà Bồng;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Công Diễn